



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là ngày 17 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Dr Nguyễn Đăng Quang  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Woncheol Park  
Ông Nguyễn Đoàn Hùng  
Ông David Tan Wei Ming  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Danny Le  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Michael Hung Nguyen

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Đại diện theo pháp luật**

Dr Nguyễn Đăng Quang  
Ông Danny Le

Chủ tịch  
Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng nếu có; và
- lập báo cáo tài chính riêng theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, các báo cáo tài chính riêng này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Danny Le  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 8 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 21-01-00241-22-3



Nelson Rodríguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>8.070.249.247.486</b>	<b>1.152.314.600.394</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.934.770.809.881</b>	<b>202.737.784.651</b>
Tiền	111		4.934.770.809.881	52.737.784.651
Các khoản tương đương tiền	112		-	150.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>44.727.841.148</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	44.727.841.148	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.083.050.602.444</b>	<b>939.075.118.365</b>
Trả trước cho người bán	132		5.188.956.552	1.114.928.526
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6(a)	2.764.488.000.000	685.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(b)	313.373.645.892	252.960.189.839
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.699.994.013</b>	<b>10.501.697.378</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		240.363.646	2.644.051.268
Thuế phải thu Nhà nước	153	7(a)	7.459.630.367	7.857.646.110
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>43.124.356.190.970</b>	<b>54.073.288.226.947</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.828.186.052</b>	<b>4.828.186.052</b>
Phải thu dài hạn khác	216	6(c)	4.828.186.052	4.828.186.052
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.485.779.544</b>	<b>13.169.721.743</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	13.485.779.544	13.169.721.743
Nguyên giá	222		49.749.135.368	44.641.557.642
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.263.355.824)	(31.471.835.899)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>42.995.073.255.063</b>	<b>53.883.603.547.735</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	24.046.070.182.463	25.812.570.202.463
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	5(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(d)	14.570.165.994.964	23.692.196.267.636
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>110.968.970.311</b>	<b>171.686.771.417</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	110.968.970.311	171.686.771.417
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>51.194.605.438.456</b>	<b>55.225.602.827.341</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>27.618.321.400.305</b>	<b>32.017.068.319.812</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.552.547.530.197</b>	<b>6.457.489.575.236</b>
Phải trả người bán	311		41.659.055.292	12.101.257.769
Thuế phải nộp Nhà nước	313	7(b)	50.627.569.721	1.491.102.504
Phải trả người lao động	314		62.999.858	27.923.958
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10(a)	681.849.867.065	758.900.922.043
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	298.038.261	2.301.488.916.907
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	12(a)	4.778.050.000.000	3.383.479.452.055
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.065.773.870.108</b>	<b>25.559.578.744.576</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	10(b)	-	116.647.503.186
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	12(b)	22.065.773.870.108	25.442.931.241.390
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>23.576.284.038.151</b>	<b>23.208.534.507.529</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>23.576.284.038.151</b>	<b>23.208.534.507.529</b>
Vốn cổ phần	411	14	11.805.346.920.000	11.746.832.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	11.084.246.541.079	11.084.296.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.382.028.759.640	2.072.743.689.018
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		656.102.058.618	3.395.529.005.610
- <i>LNST chưa phân phối năm nay/ (lỗ sau thuế năm trước)</i>	421b		1.725.926.701.022	(1.322.785.316.592)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>51.194.605.438.456</b>	<b>55.225.602.827.341</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	5.271.261.693.608	463.728.321.981
Chi phí tài chính	22	19	2.933.473.829.813	1.560.433.586.679
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.427.396.695.049	1.450.677.577.025
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	290.861.162.773	226.080.051.894
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>2.046.926.701.022</b>	<b>(1.322.785.316.592)</b>
Chi phí khác	32	21	65.000.000.000	-
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(65.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.981.926.701.022</b>	<b>(1.322.785.316.592)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	256.000.000.000	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.725.926.701.022</b>	<b>(1.322.785.316.592)</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:


Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Đỗ Thị Quỳnh Trang  
Giám đốc Tài chínhDanny Le  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.981.926.701.022</b>	<b>(1.322.785.316.592)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		4.791.519.925	3.838.342.885
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(49.999.903.881)	5.999.943.066
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.308.114.779.648)	(463.728.265.047)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		2.715.493.025.747	1.554.303.020.429
<b>Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.344.096.563.165</b>	<b>(222.372.275.259)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(280.803.331.826)	251.923.811.579
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		203.778.596.184	(39.331.960.469)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.449.844.561)	(750.347.243)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	1.571.530.000.000
			<b>3.265.621.982.962</b>	<b>1.560.999.228.608</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.883.964.662.639)	(1.344.749.033.198)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(205.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>176.657.320.323</b>	<b>216.250.195.410</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(9.609.197.926)	(7.479.667.333)
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(5.291.893.841.148)	(18.466.002.250.000)
Tiền thu cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		3.167.678.000.000	19.931.658.250.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác	25		(4.090.232.103.500)	(31.436.575.267.636)
Tiền thu hồi các khoản đầu tư	26		12.633.037.048.692	1.579.935.876.240
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		1.574.657.595.075	2.275.240.067.903
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.983.637.501.193</b>	<b>(26.123.222.990.826)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	31		58.514.460.000	57.307.990.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		13.517.822.149.288	31.997.986.541.130
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(15.586.884.717.815)	(5.248.273.972.603)
Tiền trả cổ tức	36		(1.417.713.591.640)	(1.173.604.376.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.428.261.700.167)</b>	<b>25.633.416.181.927</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.732.033.121.349</b>	<b>(273.556.613.489)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>202.737.784.651</b>	<b>476.294.341.206</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(96.119)</b>	<b>56.934</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.934.770.809.881</b>	<b>202.737.784.651</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

##### **(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Nhân sự Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 65 nhân viên (1/1/2021: 48 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

***Chi phí đi vay trả trước***

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

**(h) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(i) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(j) Vốn chủ sở hữu**

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào thời điểm ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay, cổ tức, lãi từ thanh lý khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu phát hành, chi phí đi vay được phân bổ, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ (gọi chung là “chi phí đi vay”), lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng hoặc lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	4.934.705.983.178	52.672.957.948
Các khoản tương đương tiền	-	150.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4.934.770.809.881	202.737.784.651

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 bao gồm 44.661 triệu VND đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12(b)(i)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Đầu tư**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	44.727.841.148	-
<hr/>		
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào các công ty con (b)	24.046.070.182.463	25.812.570.202.463
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (d)	14.570.165.994.964	23.692.196.267.636
	<hr/>	<hr/>
	42.995.073.255.063	53.883.603.547.735
	<hr/>	<hr/>

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bằng VND với kỳ hạn gốc trên ba tháng đến dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 44.728 triệu VND đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12(b)(i)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/12/2021		1/1/2021				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan (trước đây là Công ty TNHH Tâm nhìn Masan) (“MH”) (**)	99,9%	99,9%	15.287.199.980.000	-	(*)	99,9%	18.737.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“MML”)	78,7%	78,7%	2.030.991.202.463	-	(*)	78,7%	2.030.991.202.463
▪ Công ty TNHH The SHERPA (“SHERPA”) (***)	99,9%	99,9%	6.727.879.000.000	-	(*)	99,9%	5.044.379.000.000
			<u>24.046.070.182.463</u>	<u>-</u>			<u>25.812.570.202.463</u>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(\*\*) Trong năm, vốn góp của Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan (trước đây là Công ty TNHH Tâm nhìn Masan) đã giảm 3,450 tỷ VND theo Nghị quyết số 207/2021/NQ-HĐTV ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Quản trị và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966871 ngày 16 tháng 12 năm 2021. Công ty đã nhận lại phần vốn góp tương ứng.

(\*\*\*) Trong năm, vốn góp của Công ty TNHH The SHERPA đã tăng 1.683 tỷ VND và được Công ty góp đủ theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐTV ngày 19 tháng 1 năm 2021, số 505/2021/NQ-HĐTV ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Thành viên và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0316328421 ngày 25 tháng 10 năm 2021.

11/11/2021

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MH VND	MML VND	SHERPA VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.737.200.000.000	2.030.991.202.463	5.044.379.000.000	25.812.570.202.463
Tăng trong năm	-	-	1.683.500.000.000	1.683.500.000.000
Giảm trong năm	(3.450.000.020.000)	-	-	(3.450.000.020.000)
Số dư cuối năm	15.287.199.980.000	2.030.991.202.463	6.727.879.000.000	24.046.070.182.463

**(c) Đầu tư vào một công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	% sở hữu/ vốn điều lệ	% quyền biểu quyết/vốn điều lệ	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,9%	14,9%	26.215.774.950.000	4.378.837.077.636
			-	15,0%
			15,0%	4.378.837.077.636
			-	16.515.938.218.500

Cho mục đích thuyết minh, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần The CrownX (“CrownX”) (**)	9,02%	9,02%	14.570.165.994.964	-	(*)
					23.692.196.267.636
					(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(\*\*) CrownX là công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty TNHH The SHERPA.

Biến động khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	23.692.196.267.636	-
Tăng trong năm (***)	106.732.103.500	23.692.196.267.636
Thanh lý trong năm (****)	(9.228.762.376.172)	-
Số dư cuối năm	14.570.165.994.964	23.692.196.267.636

(\*\*\*) Trong tháng 11 năm 2021, Công ty đã mua lại 0,07% lợi ích vốn chủ sở hữu trong CrownX từ một bên thứ ba với tổng giá trị là 106.732 triệu VND.

(\*\*\*\*) Trong tháng 1 và tháng 4 năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng 2,7% lợi ích vốn chủ sở hữu trong CrownX cho SHERPA với tổng giá trị là 4.320.097 triệu VND. Trong tháng 12 năm 2021, CrownX đã mua lại 2,92% vốn chủ sở hữu từ Công ty với tổng giá trị là 4.862.940 triệu VND.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu cho vay từ các bên liên quan:		
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp (i)	181.676.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Mobicast, một công ty con sở hữu gián tiếp (ii)	130.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH The SHERPA, một công ty con sở hữu trực tiếp	-	685.000.000.000
Phải thu cho vay từ các bên thứ ba	2.452.812.000.000	-
	<u>2.764.488.000.000</u>	<u>685.000.000.000</u>

- (i) Khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Khoản vay sẽ đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.
- (ii) Khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Nợ gốc vay và lãi của khoản vay này đã được thanh toán trong tháng 1 năm 2022.
- (iii) Khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Khoản vay sẽ đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.
- (iv) Khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Khoản vay sẽ đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.

**(b) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu từ chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	283.750.000.000	-
Lãi phải thu từ các bên thứ ba	19.489.861.068	-
Lãi phải thu từ các bên liên quan	9.808.796.824	250.116.125.839
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.500.000	29.500.000
Phải thu khác	295.488.000	2.814.564.000
	<u>313.373.645.892</u>	<u>252.960.189.839</u>

Lãi phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay của các khoản vay liên quan (Thuyết minh 6(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.828.186.052	4.828.186.052

**7. Thuế**

**(a) Thuế phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.459.630.367	7.459.630.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	398.015.743
	7.459.630.367	7.857.646.110

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.601.984.257	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.491.102.504
Các loại thuế khác	25.585.464	-
	50.627.569.721	1.491.102.504

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	33.536.834.202	9.482.695.440	1.622.028.000	44.641.557.642
Tăng trong năm	1.077.577.726	-	4.030.000.000	5.107.577.726
Số dư cuối năm	34.614.411.928	9.482.695.440	5.652.028.000	49.749.135.368
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	23.930.764.093	7.293.261.973	247.809.833	31.471.835.899
Khấu hao trong năm	3.076.884.978	772.630.281	942.004.666	4.791.519.925
Số dư cuối năm	27.007.649.071	8.065.892.254	1.189.814.499	36.263.355.824
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	9.606.070.109	2.189.433.467	1.374.218.167	13.169.721.743
Số dư cuối năm	7.606.762.857	1.416.803.186	4.462.213.501	13.485.779.544

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 27.541 triệu VND (1/1/2021: 21.091 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đi vay trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	171.227.689.762	459.081.655	171.686.771.417
Tăng trong năm	7.647.194.581	6.241.903.982	13.889.098.563
Phân bổ trong năm	(72.218.527.870)	(2.388.371.799)	(74.606.899.669)
Số dư cuối năm	106.656.356.473	4.312.613.838	110.968.970.311

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả:		
▪ Các ngân hàng và trái chủ	440.621.017.035	408.471.252.184
▪ Các bên liên quan	23.345.141.781	183.462.831.148
▪ Các bên thứ ba khác	-	124.903.287.669
Phí tư vấn chuyên môn	172.230.058.787	2.524.940.000
Chi phí khác	45.653.649.462	39.538.611.042
	681.849.867.065	758.900.922.043

Chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo và phải trả vào ngày đáo hạn của các khoản vay liên quan (Thuyết minh 12(a)).

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan	-	116.647.503.186
	-	116.647.503.186

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	18.038.160	1.089.999.400
Phải trả cho việc mua khoản đầu tư vốn trong CrownX	-	2.300.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	280.000.101	398.917.507
	298.038.261	2.301.488.916.907



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Vay và trái phiếu phát hành**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn (a)</b>		
Vay ngắn hạn	3.048.650.000.000	3.383.479.452.055
Vay và trái phiếu dài hạn đến hạn trả	1.729.400.000.000	-
	4.778.050.000.000	3.383.479.452.055
<b>Vay và trái phiếu phát hành dài hạn</b>		
Vay dài hạn (b)	4.358.600.000.000	7.772.233.116.472
Trái phiếu phát hành dài hạn (c)	17.707.173.870.108	17.670.698.124.918
	22.065.773.870.108	25.442.931.241.390

**(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	3.383.479.452.055	11.203.955.265.760	(11.538.784.717.815)	3.048.650.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	-	1.729.400.000.000	-	1.729.400.000.000
	3.383.479.452.055	12.933.355.265.760	(11.538.784.717.815)	4.778.050.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife, một công ty con sở hữu trực tiếp	2.662.750.000.000	150.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (trước đây là Công ty TNHH Tầm nhìn Masan), một công ty con sở hữu trực tiếp	385.900.000.000	-
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	1.143.479.452.055
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển Thương mại VCM, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	500.000.000.000
▪ Bên thứ ba	-	1.590.000.000.000
	3.048.650.000.000	3.383.479.452.055

Các khoản vay ngắn hạn này không được đảm bảo, bằng VND và chịu lãi ở mức lãi suất được quy định trong hợp đồng vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ là 2.222.501 triệu VND (1/1/2021: 5.009.438 triệu VND).

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Khoản vay hợp vốn có đảm bảo (i)	USD	2022 - 2023	4.588.000.000.000	4.638.000.000.000
▪ Khoản vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (trước đây là Công ty TNHH Tầm nhìn Masan), một công ty con sở hữu trực tiếp (ii)	VND	2023 - 2024	-	3.134.233.116.472
Khoản phải trả trong vòng 12 tháng			(229.400.000.000)	-
Khoản phải trả sau 12 tháng			4.358.600.000.000	7.772.233.116.472

(i) Khoản vay hợp vốn này được đảm bảo và chịu lãi suất năm 3,61% (2020: 3,61%) trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản vay hợp vốn của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn của Công ty có giá trị ghi sổ là 44.728 triệu VND (1/1/2021: tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 44.661 triệu VND);
- 15% vốn góp của một công ty con; và
- được bảo lãnh bởi một công ty con khác.

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản của các hợp đồng vay trên.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Trong năm, Công ty đã thanh toán trước hạn khoản vay này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay dài hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ là 348.400 triệu VND (1/1/2021: 455.600 triệu VND).

**(c) Trái phiếu phát hành dài hạn**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu đã phát hành bao gồm:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu thường	19.500.000.000.000	18.100.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa được phân bổ	(292.826.129.892)	(429.301.875.082)
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng	(1.500.000.000.000)	-
Trái phiếu thường đáo hạn sau 12 tháng	17.707.173.870.108	17.670.698.124.918

Trái phiếu của Công ty bao gồm các khoản sau:

- 1.500 tỷ VND (1/1/2021: 1.500 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn là 3 năm (2022) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,2% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 7.000 tỷ VND (1/1/2021: 7.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 9,3% trong năm đầu tiên và biên độ 2,5% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 3.000 tỷ VND (1/1/2021: 3.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,2% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 4.000 tỷ VND (1/1/2021: 4.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 4,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 600 tỷ VND (1/1/2021: 600 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 9,8% trong năm đầu tiên và biên độ 3,8% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- 1.000 tỷ VND (1/1/2021: 1.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 9,9% trong năm đầu tiên và biên độ 3,9% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 1.000 tỷ VND (1/1/2021: 1.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 4,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 500 tỷ VND (1/1/2021: Không) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2024) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,9% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 500 tỷ VND (1/1/2021: Không) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2024) với lãi suất năm là 9,9% trong năm đầu tiên và biên độ 3,9% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 400 tỷ VND (1/1/2021: Không) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2024) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 4,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các công ty con và công ty liên kết của Công ty nắm giữ lần lượt 2.998.351 triệu VND và 318.780 triệu VND (1/1/2021: Không và 419.872 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng bảo lãnh cho các trái phiếu phát hành của các công ty con với tổng mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 9.799.980 triệu VND (1/1/2021: 6.500.139 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	4.570.212.251.610	25.648.695.080.121
Phát hành cổ phiếu	57.367.990.000	(60.000.000)	-	-	57.307.990.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.322.785.316.592)	(1.322.785.316.592)
Cổ tức	-	-	-	(1.174.683.246.000)	(1.174.683.246.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	11.746.832.460.000	11.084.296.541.079	(1.695.338.182.568)	2.072.743.689.018	23.208.534.507.529
Phát hành cổ phiếu	58.514.460.000	(50.000.000)	-	-	58.464.460.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.725.926.701.022	1.725.926.701.022
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(1.416.641.630.400)	(1.416.641.630.400)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	2.382.028.759.640	23.576.284.038.151

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		- 11.084.246.541.079		- 11.084.296.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc bên được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh cho các khoản cổ tức và phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	1.174.683.246	11.746.832.460.000	1.168.946.447	11.689.464.470.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền (Thuyết minh 15)	5.851.446	58.514.460.000	5.736.799	57.367.990.000
Số dư cuối năm	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên**

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (ESOP) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2021, Công ty đã phát hành 5.851.446 cổ phiếu (2020: 5.736.799 cổ phiếu) cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**16. Cổ tức**

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 1 tháng 4 năm 2021 và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 5 năm 2021 và ngày 3 tháng 12 năm 2021 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ lần lượt là 9,5% và 2,5% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu. Trong tháng 7 và tháng 12 năm 2021, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tổng giá trị 1.416.642 triệu VND cho các cổ đông.

**17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	19.332.515.806	11.001.674.200
Từ hai đến năm năm	8.596.075.291	-
	<b>27.928.591.097</b>	<b>11.001.674.200</b>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	246	5.574.163	266	6.144.740

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	3.867.421.566.480	-
Thu nhập từ cổ tức	1.260.516.028.100	-
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	55.068.404.588	437.142.717.217
Thu nhập lãi từ các khoản cho công ty con vay	18.765.833.372	25.730.753.310
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên thứ ba vay	19.489.861.068	854.794.520
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	50.000.000.000	56.934
	<b>5.271.261.693.608</b>	<b>463.728.321.981</b>

**19. Chi phí tài chính**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	2.427.396.695.049	1.450.677.577.025
Chi phí phát hành trái phiếu và chi phí đi vay phân bổ	288.096.330.698	103.625.443.404
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	166.674.556.787	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	45.725.347.480	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	96.119	6.000.000.000
Chi phí khác	5.580.803.680	130.566.250
	<b>2.933.473.829.813</b>	<b>1.560.433.586.679</b>

**20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.791.519.925	3.838.342.885
Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	286.069.642.848	222.241.709.009
	<b>290.861.162.773</b>	<b>226.080.051.894</b>

**21. Chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm tiền chi ủng hộ Quỹ vắc xin và xây cầu cho vùng nông thôn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	256.000.000.000	-

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b>		<b>2020</b>
	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
			<b>VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	100%	1.981.926.701.022	100%
			(1.322.785.316.592)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20%	396.385.340.204	20%
Thu nhập không chịu thuế	(13%)	(252.103.205.620)	0%
Chi phí không được khấu trừ thuế	1%	12.061.039.600	0%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	16%	319.939.786.561	(20%)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(11%)	(220.282.960.745)	-
	13%	256.000.000.000	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này. Theo các quy định thuế hiện hành, các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, trừ chi phí lãi vay, không bị hết hiệu lực. Chi phí lãi vay vượt mức trần theo quy định hiện hành và lỗ tính thuế được mang sang không quá 5 năm.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan nhà nước khác nhau và các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng của sự khác biệt có thể đáng kể.

**23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
		2021 VND	2020 VND
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>			
Công ty Cổ phần Tâm nhìn	Góp vốn	-	5.000.000.000.000
Masan (trước đây là Công ty TNHH Tâm nhìn Masan)	Hoàn trả vốn góp	3.450.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	-	300.002.250.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	450.658.250.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	5.430.690.297
	Khoản vay đã nhận	1.561.066.883.528	3.402.233.116.472
	Khoản vay đã hoàn trả	4.309.400.000.000	268.000.000.000
	Chi phí lãi vay	198.244.808.665	116.647.503.186
Công ty TNHH The SHERPA	Góp vốn	1.683.500.000.000	5.044.379.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	1.609.188.000.000	3.685.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	2.294.188.000.000	3.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	7.766.077.644	4.513.493.150
	Khoản vay đã nhận	4.986.755.265.760	-
	Khoản vay đã hoàn trả	4.986.755.265.760	-
	Chi phí lãi vay	21.859.749.110	-
	Thanh lý khoản đầu tư	4.320.097.521.760	12.841.200.000.000
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Khoản vay đã nhận	3.800.000.000.000	150.000.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	1.287.250.000.000	-
	Chi phí lãi vay	27.852.410.959	2.323.972.603
	Thu nhập từ cổ tức	1.260.516.028.100	-
	Mua trái phiếu (**)	3.756.912.000.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
		2021 VND	2020 VND
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>			
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Khoản cho vay đã cấp	-	3.000.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	3.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	534.246.575
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan	Chi phí công nghệ thông tin	2.430.085.109	3.367.621.987
	Mua hàng hóa	84.243.994	9.538.275.823
Công ty TNHH Vonfram Masan	Khoản cho vay đã cấp	-	1.781.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	1.781.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	11.526.953.425
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Khoản cho vay đã cấp	241.676.000.000	400.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	60.000.000.000	400.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	9.850.057.098	2.246.575.342
	Khoản vay đã nhận	-	1.923.753.424.658
	Khoản vay đã hoàn trả	1.143.479.452.055	1.780.273.972.603
	Chi phí lãi vay	4.270.122.128	45.822.250.325
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce)	Khoản cho vay đã nhận	720.000.000.000	3.700.000.000.000
	Khoản cho vay đã hoàn trả	1.220.000.000.000	3.200.000.000.000
	Chi phí lãi vay	2.940.273.973	163.199.726.028
	Khoản vay đã cấp	700.000.000.000	-
	Khoản vay đã thu hồi	700.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	1.121.917.808	-
	Mua hàng hóa	2.209.790.139	1.157.027.712
Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam)	Khoản cho vay đã cấp	-	1.000.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	1.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	1.478.794.521
	Mua hàng hóa	505.228.121	-
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Mua hàng hóa	248.688.956	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
		2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần The CrownX	Thanh lý khoản đầu tư	-	516.600.000.000
	Bán lại cổ phiếu CrownX	4.862.939.506.932	-
Công ty Cổ phần Mobicast	Khoản cho vay đã cấp	130.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	27.780.822	-
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Techcombank và các công ty con (*)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành) (***)	1.400.000.000.000	16.600.000.000.000
	Phí phát hành trái phiếu	69.928.000.000	516.536.000.000
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.507.775.000.000	1.250.000.000.000
	Mua chứng khoán kinh doanh	1.507.775.000.000	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt (****)	25.262.988.981	22.943.793.777

(\*) Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(\*\*) Trong tháng 10 năm 2021, Công ty đã mua 3.756.912 trái phiếu hoán đổi do Công ty Cổ phần Masan MEATLife phát hành bằng mệnh giá, theo đó trái chủ có quyền chọn hoán đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần MNS Feed (trước đây là Công ty TNHH MNS Feed), một công ty con sở hữu gián tiếp theo giá hoán đổi đã thỏa thuận. Sau đó, vào tháng 11 năm 2021, Công ty đã thanh lý toàn bộ số trái phiếu này cho một bên thứ ba.

(\*\*\*) Các trái phiếu đã được bán cho các nhà đầu tư theo thỏa thuận phát hành.

(\*\*\*\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng khoản thù lao trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm là:

Tên	Vị trí	2021 VND	2020 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên	-	-
Ông Woncheol Park	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	-	-
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
		<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>Tên</b>		12.246.570.769	9.534.897.844
<b>Tổng Giám đốc</b>			
Ông Danny Le		12.246.570.769	9.534.897.844



**24. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	2021 VND	2020 VND
Phải thu từ chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	283.750.000.000	-
Cần trừ các khoản phải thu từ việc thanh lý khoản đầu tư vốn chủ sở hữu với khoản phải trả cho mua khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển Thương mại VCM	-	12.841.200.000.000
Mua các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu chưa thanh toán	-	2.300.000.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã mua 2.418.699 cổ phiếu phổ thông, tương đương 3,24% vốn cổ phần của CrownX từ một bên thứ ba với tổng giá trị thanh toán là 5.188.010 triệu VND. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong CrownX tăng từ 81,7% lên 84,9%.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc



